TOÀ ÁN NH DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10-5-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NH DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NH DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nH dân:

Ông Nguyễn Văn Nhòng,

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nH dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nH dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Quan Thị Thu T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn Q, sinh năm 19xx, nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn (chị Quan Thị Thu T) trình bày: Chị và anh Bùi Văn Q tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nH dân xã T vào ngày 02 tháng 5 năm 20xx. Anh chị chung sống với nhau hòa thuận được 01 năm đầu thì mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do anh Q ham chơi bài bạc, ít quan tâm tới gia đình, vợ con. Chị T và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng anh chị đã sống ly tH và không còn quan tâm đến nhau từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, không thế đoàn tụ chị T yêu cầu được ly hôn anh Q. Anh chị có 01 con chung là Bùi Gia H, sinh ngày 12 tháng 9 năm 20xx. Khi ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về việc cấp dưỡng cho con chị xin tự thỏa thuận, giải quyết với anh Q, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Q nhiều lần, yêu cầu anh Q giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh Q không thực hiện. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng khác cho anh Q thông qua mẹ đẻ của anh (bà Hoàng Thị C). Bà C xác nhận đã tống đạt toàn bộ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh Q; anh Q đã biết rõ nội dung, nhưng không có ý kiến gì. Về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q, bà C xác nhận mâu thuẫn vợ chồng anh chị như lời khai của chị T. Tuy nhiên, vì hạnh phúc gia đình của các con, bà đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải, nếu không hòa giải được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có 01 con chung như chị T trình bày. Trường hợp nếu phải ly hôn gia đình đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con. Anh chị không có tài sản chung.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh Q là do bất đồng quan điểm sống, một phần do anh Q mải chơi dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2020 đến nay và không còn quan T đến nhau. Anh chị có 01 con chung là Bùi Gia H, sinh ngày 12 tháng 9 năm 20xx. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay con chung của anh chị do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Trường hợp chị T, anh Q ly hôn, Tòa án nên giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, vì cháu H còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn (chị T) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn (anh Q) vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Quan Thị Thu T được ly hôn anh Bùi Văn Q; giao con Bùi Gia H, sinh ngày 12 tháng 9 năm 20xx cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về việc cấp dưỡng cho con chị T xin tự thỏa thuận với anh Q; chị T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Đây là tranh chấp hôn nH gia đình (ly hôn, tranh chấp nuôi con); bị đơn (anh Bùi Văn Q) có nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân huyện Tiên Lãng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh Q) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, tạo điều kiện cho anh Q thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc anh Q không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; không trình bày quan điểm của mình; không giao nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án là tự từ bỏ các quyền và không chấp hành nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Bị đơn (anh Q) đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Q.

- Về nội dung:

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương, thể hiện: Chị Quan Thị Thu T và anh Bùi Văn Q tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng, là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị phát sinh do bất đồng quan điểm sống, một phần do anh Q ham chơi, ít quan T đến gia đình, vợ con. Anh Q đã được chị T và gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, tình trạng vợ chồng ngày càng căng thẳng. Tháng 5 năm 2020, do mâu thuẫn căng thẳng, anh chị đã sống ly thân và không quan T nhau cho đến nay. Xét thấy, tình trạng vợ chồng chị T, anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị T được ly hôn anh Q.

[5]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Bùi Gia H, sinh ngày 12 tháng 9 năm 20xx. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, con chung của anh chị do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu H còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi); chị T làm công nH, có thu nhập và nơi ở ổn định, đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con; ngoài việc tự mình, chị T còn được sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Quá trình giải quyết vụ án anh Q không có quan điểm về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện, anh Q làm nghề lao động tự do, thường xuyên đi làm xa, ít quan T tới gia đình, vợ con. Như vậy có thể thấy điều kiện trực tiếp nuôi con hiện nay của chị T tốt hơn của anh Q. Để đảm bảo T lý, sinh hoạt và quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nH và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử giao con Bùi Gia H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng cho con, chị T xin tự thỏa thuận với anh Q, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên để anh chị tự giải quyết với nhau là phù hợp.

[6]. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Quan Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nH và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quan Thị Thu T, xử:

1. Về quan hệ hôn nH: Chị Quan Thị Thu T được ly hôn anh Bùi Văn Q.

2. Về con chung: Giao con Bùi Gia H, sinh ngày 12 tháng 9 năm 20xx cho chị Quan Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 10 tháng 5 năm 2022 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết về việc cấp dưỡng cho con do chị T xin tự thỏa thuận với anh Q, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Quan Thị Thu T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006184 ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (ĐKKH 20xx);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang